

BÀN VỀ LỖI NGỮ PHÁP CỦA HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI HỌC TIẾNG VIỆT

ThS. Phan Thanh Tâm

1. Cơ sở lý thuyết về lỗi

Muốn giao lưu và tiếp xúc được với nhiều dân tộc khác nhau thì trước tiên là phải học hỏi ngôn ngữ của nhau. Trong những năm qua người nước ngoài đến Việt Nam học tiếng Việt ngày càng tăng. Tiếng Việt đã được người nước ngoài nghiên cứu do nhu cầu học tập và nghiên cứu nó như một ngoại ngữ. Trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ, học viên người nước ngoài mắc lỗi là điều hiển nhiên. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, các bài báo liên quan đến lỗi của người học trong việc sử dụng tiếng Việt đã được công bố trong thời gian qua.

Từ điển ngôn ngữ học ứng dụng và dạy tiếng định nghĩa lỗi như sau: “*Lỗi của người học (trong khi nói hoặc viết một ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ) là hiện tượng sử dụng một đơn vị ngôn ngữ (chẳng hạn một từ, một đơn vị ngữ pháp, một hoạt động nói năng,...) bằng cách mà người bản ngữ hoặc người giỏi thứ tiếng đó cho là sai hoặc cho là chưa đầy đủ.*” [17, tr7].

Quan điểm về lỗi rất đa dạng cho nên cách phân tích lỗi cũng vô cùng phong phú, đã có những công trình nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học nước ngoài như Carl James, S.Pit Corder, Dulay, Burt và Krashen, Hendrickson, Jack C. Richards, Schachter và Celce, Selinker, v.v... Tuy nhiên nổi bật nhất là Pit Corder với hàng loạt công trình để lại dấu ấn rõ nét và là tiền đề cho các nghiên cứu lỗi sau này. Ông nhấn mạnh vai trò của lỗi: “*Lỗi cung cấp cho các nhà nghiên cứu những bằng chứng về quá trình thụ đắc ngôn ngữ, cung cấp cho người học những chiến lược học ngoại ngữ để khám phá ngôn ngữ đích*” [27, tr16].

Nhà Việt ngữ học Nguyễn Thiện Nam lại đưa ra hai hướng phân loại lỗi khác nhau: (i) “phân loại dựa vào nguồn gốc” là chia lỗi ra làm hai loại chính: một là lỗi giao thoa (loại lỗi sinh ra do ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ của người học lên ngữ đích), và hai là lỗi tự ngữ đích (là lỗi sinh ra do những nguyên nhân trong nội bộ cấu trúc của ngữ đích;

(ii) “phân loại dựa vào các đơn vị ngữ pháp” có thể chia lỗi ra thành rất nhiều loại như: lỗi về đại từ nhân xưng, lỗi về loại từ, lỗi về hư từ, lỗi về trật tự từ, lỗi về trật tự thành phần câu,... [2, tr.18]

2. Lỗi ngữ pháp

Tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Thái...là các ngôn ngữ đơn lập không biến hình. Hư từ và vị trí, trật tự từ đóng vai trò quan trọng làm rõ quan hệ ngữ pháp cũng như ý nghĩa ngữ pháp của từ và của câu. Lỗi ngữ pháp thường xảy ra rất phổ biến là lỗi trật tự từ và lỗi hư từ.

Đối với những ngôn ngữ biến hình như tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp... trật tự từ thường biểu thị nghĩa tình thái của câu (nghĩa tường thuật, nghi vấn, cảm thán ...). Ví dụ: (1) *You are a teacher.* (You: nghĩa tường thuật). (2) *Are you a teacher?* (You: nghĩa nghi vấn). Lỗi ngữ pháp thường xuất hiện trong những ngôn ngữ này là ở các phạm trù như thời, thể, giới từ, giống, số, cách... Người Việt học tiếng Anh thì việc dùng sai hoặc nhầm lẫn giữa các thì, hay số ít số nhiều là điều hết sức bình thường, bởi vì trong ngữ pháp của tiếng Việt không có phạm trù “thì” cũng như phạm trù “số”.

Trật tự từ là một phương thức quan trọng biểu thị chức năng cú pháp của từ trong tiếng Việt. Trật tự từ thay đổi sẽ làm thay đổi vai trò cú pháp của từ trong câu và sẽ tạo ra ý nghĩa khác nhau. Trật tự từ trong câu chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Từ phải được sắp xếp theo một thứ tự trong kết cấu ngữ pháp chặt chẽ. Do tiếng Việt không có phụ tố biến hình từ, khi xuất hiện trong câu dù ở bất kỳ vị trí nào hay thể hiện bất cứ chức năng ngữ pháp nào thì từ luôn giữ nguyên hình thức vốn có của nó.

Ví dụ:

- (1) Tôi thương mẹ.
- (2) Mẹ thương tôi.
- (3) Mẹ tôi ốm.

Hư từ là một phương thức ngữ pháp chủ yếu của tiếng Việt, nó không mang nghĩa từ vựng chỉ mang nghĩa ngữ pháp, tức là không được dùng để gọi tên sự vật, hành

động, tính chất, quan hệ mà chỉ diễn đạt nghĩa quan hệ theo lối đi kèm thực từ hay câu. Hư từ được giải thích trong thế đối lập với thực từ và chủ yếu là ở phạm vi diễn đạt những mối quan hệ. Hư từ cùng với trật tự từ cho phép tạo ra nhiều câu cùng có nội dung thông báo cơ bản như nhau nhưng khác nhau về sắc thái biểu cảm.

Ví dụ:

- (1) Anh và em.
- (2) Anh vì em.
- (3) Anh của em.

Theo Nguyễn Thiện Nam “*Ngữ pháp của một ngôn ngữ là một bộ của những cấu trúc, những cách thức và quy tắc mà theo đó, các từ ngữ kết hợp được với nhau để tạo nên câu, khiến cho người ta có thể giao tiếp được với nhau.*” [2, tr24]

Lỗi ngữ pháp là do không hiểu, không nắm vững quy tắc kết cấu ngữ pháp tiếng Việt dẫn đến dùng không đúng một số đơn vị ngữ pháp, và cuối cùng người học mắc lỗi ngữ pháp trong việc tổ chức câu. Bài viết này đề cập đến lỗi ngữ pháp khá phổ biến về trật tự từ trong câu và cách vận dụng hư từ của học viên nước ngoài khi học tiếng Việt.

3. Lỗi trật tự thành phần câu

3.1. Lỗi trật tự trạng ngữ câu

Trạng ngữ là thành tố phụ của câu, có tác dụng bổ sung ý nghĩa về thời gian, không gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện...cho sự tình được biểu đạt trong câu. Trạng ngữ có thể đứng trước, đứng sau hoặc chen vào giữa nòng cốt câu.

Dưới đây là các câu học viên mắc lỗi:

Ví dụ:

- (1) *Hôm qua anh ấy đã ở trường học nhìn thấy Lan.*
- (2) *Tôi đã uống hai viên thuốc cảm rồi trước khi đến trường.*
- (3) *Khi mới học tiếng Việt, em cảm thấy tiếng Việt rất khó ở trường tiếng Việt Sài Gòn vì em không chăm học tiếng Việt.*

Ở ví dụ (1), “*anh ấy nhìn thấy Lan*” là nòng cốt câu, “*hôm qua*” và “*ở trường học*” là hai thành phần trạng ngữ của câu. Vị trí của “*hôm qua*” được đặt ở đầu câu là hoàn toàn chính xác, nhưng vị trí của “*ở trường học*” tuy là chen vào giữa nòng cốt câu nhưng lại được đặt sau “*đã*”, phó từ chỉ thời gian bổ sung ý nghĩa cho vị từ “*nhìn*”, người học đã dùng sai vị trí của “*ở trường học*”. Lỗi này có thể dẫn đến hiện tượng hiểu lầm ngữ đoạn giới từ chỉ vị trí “*ở trường học*” thành ngữ đoạn vị từ của chủ ngữ “*anh ấy*”. Sự tình mà người học định mô tả là “*anh ấy nhìn thấy Lan*” chứ không phải là “*anh ấy ở trường học*”. Câu chữa đúng là “*Hôm qua, anh ấy đã nhìn thấy Lan ở trường học.*”

Ở ví dụ (2), thành phần phụ “*trước khi đến trường*” là trạng ngữ chỉ thời gian. Hành động xảy ra trước “*uống hai viên thuốc cảm*”, và hành động xảy ra sau “*đến trường*”. Người học muốn nói đến sự tình “*đã uống hai viên thuốc cảm*” trước thời điểm đến trường. Ngữ đoạn “*trước khi đến trường*” chỉ là thành phần phụ bổ sung thông tin thời gian cho nòng cốt câu, được đặt ở cuối câu xét về mặt lí thuyết thì không sai nhưng trong câu xuất hiện từ “*rồi*”. Trong tiếng Việt, từ “*rồi*” được đặt ở cuối câu để đánh dấu sự việc đã kết thúc cũng như kết thúc câu, hoặc để nối hai hành động tiếp diễn theo trình tự trước sau. Giải pháp đúng là đặt thành phần trạng ngữ “*trước khi đến trường*” lên trước chủ ngữ và giữ nguyên các yếu tố còn lại. Như vậy, trong câu nếu có thành phần trạng ngữ mà lại xuất hiện “*rồi*” đứng sau nòng cốt câu thì trạng ngữ phải được đặt ở vị trí trước nòng cốt câu hoặc sau chủ ngữ. Câu đúng là “*Trước khi đến trường, tôi đã uống hai viên thuốc cảm rồi*”.

Ở ví dụ (3), người học sử dụng thành phần trạng ngữ “*ở trường tiếng Việt Sài Gòn*” này đứng sau nòng cốt của phân câu thứ nhất trong một câu ghép có quan hệ nhân-quả. Vị trí của trạng ngữ câu trong trường hợp này, có thể gây hiểu lầm là nó đang định vị về mặt không gian cho nòng cốt của phân câu thứ nhất. Trong khi vai trò của trạng ngữ câu là xác định không gian cho cả câu chứ không phải cho yếu tố thuộc cấu trúc bậc dưới câu. Ngoài ra câu này còn lỗi thừa từ ngữ “*tiếng Việt*”. Câu viết đúng là

“Ở trường tiếng Việt Sài Gòn, khi mới học, em cảm thấy tiếng Việt rất khó vì em không chăm học”.

3.2. Lỗi trật tự định ngữ câu

Định ngữ câu là thành phần phụ của câu biểu thị ý nghĩa hạn định tình thái hoặc cách thức cho sự tình của câu. Đứng trước nòng cốt câu hoặc xen giữa chủ ngữ và vị ngữ nhưng không thể đứng sau vị ngữ. Cần phân biệt định ngữ câu với định ngữ của vị ngữ được đưa lên phía trước. Định ngữ của vị ngữ, khi đưa về vị trí cạnh vị ngữ, bao giờ cũng nằm trong nhóm vị ngữ, trong khi đối với định ngữ câu thì điều đó hoặc là không thể có được hoặc là không nhất thiết. Trong phần này, chỉ xét về lỗi trật tự của định ngữ câu. Dưới đây là các câu học viên mắc lỗi:

Ví dụ:

- (1) Anh ấy yêu vợ hình như rất nhiều.
- (2) Hấn xuất hiện trước mặt tôi đột nhiên.
- (3) Anh đưa tay cho cô gái, thình lình nhoẻn miệng cười.
- (4) Vịnh Hạ Long là nghe nói danh lam thắng cảnh đẹp nhất.

Ví dụ (1), “*hình như*” có thể đặt lên trước chủ ngữ hoặc chen vào giữa chủ ngữ và vị ngữ, định ngữ “*hình như*” có thể biểu thị cơ sở hoặc thị giác, hoặc các giác quan khác hoặc suy lý.... Trật tự sai mà người học tạo ra ở trường hợp này có thể bắt nguồn từ việc tiếp thu ngôn ngữ đích một cách chưa chuẩn xác, hoặc do thiếu cẩn trọng, trật tự của định ngữ bao giờ cũng đứng sau thành phần trung tâm mà nó hạn định. Câu chữa lại như sau “*Hình như anh ấy yêu vợ rất nhiều. /Anh ấy hình như yêu vợ rất nhiều.*”

Ví dụ (2) và (3), các câu này có sự tình diễn ra bất ngờ và không được tiên liệu trước..., “*đột nhiên*” và “*thình lình*” được xác định là định ngữ câu, có nhiệm vụ biểu thị những ý nghĩa hạn định về tình thái hoặc cách thức diễn ra sự tình được biểu đạt trong câu nói. Ở câu (2), người học đặt định ngữ câu ở cuối câu là sai trật tự thành phần câu. Câu hoàn chỉnh là “*Hấn đột nhiên xuất hiện trước mặt tôi. /Đột nhiên, hấn xuất hiện trước mặt tôi.*” Ở câu (3), “*thình lình*” làm trạng ngữ cách thức do vậy nó có thể

được dung ở đầu câu, đầu cú. Câu chữa đúng là “*Thình lình anh đưa tay cho cô gái và nhoén miệng cười.*”

Ở ví dụ (3), người học đưa ra một nhận định một đánh giá mang tính chủ quan. Do vậy, thành phần biểu đạt sự nhận định ấy phải đặt trước nội dung mà nó đánh giá. Trong câu này có hai cách nói: cách thứ nhất, “*nghe nói*” chính là thành phần biểu thị sự nhận định, đánh giá chủ quan của người nói, nên nó phải đặt lên trước thành phần nòng cốt trong câu. Cách thứ hai, trong câu có xuất hiện từ tác tử phân giới “*là*”, theo phân loại định ngữ câu theo cấu tạo trong tiếng Việt có thể có các tác tử phân giới “*thì/là*” đứng sau định ngữ câu. Câu đúng là “*Nghe nói vịnh Hạ Long là danh lam thắng cảnh đẹp nhất. /Vịnh Hạ Long nghe nói là danh lam thắng cảnh đẹp nhất.*”

4. Lỗi hư từ

Hư từ không có khả năng làm thành tố chính (đầu tố) trong cụm từ chính phụ (với tư cách sự mở rộng của một từ, không hiểu là cấu tạo của một thành phần câu). Hư từ tiếng Việt là một mảng hết sức phức tạp và còn rất nhiều tranh cãi trong việc xác định và phân loại. Chính vì thế trong bài viết này chỉ trình bày một số lỗi hư từ mà các học viên nước ngoài thường hay mắc phải trong quá trình học tiếng Việt.

4.1. Lỗi các hư từ thuộc nhóm “những, các”

Lượng từ “*những, các*” không phải là một thực từ vì không có ý nghĩa từ vựng chân thực, không bao giờ làm thành phần của câu và dùng độc lập, mà chỉ là những hư từ. “*những*” và “*các*” là hai trợ từ đặc biệt. Bản thân chúng không có ý nghĩa từ vựng chân thực, mà chỉ là dấu hiệu của phạm trù ngữ pháp. Xét về vị trí của nó trước danh từ, hai từ này rất giống số từ, ví dụ: *những con hổ và hai con hổ*. Nhưng xét về ý nghĩa từ vựng, khả năng làm thành phần của câu và khả năng độc lập tạo thành câu thì chúng khác số từ rất xa. Bởi vậy chúng chỉ có thể là hư từ. “*những*” đi với danh từ có ý nghĩa số nhiều nhưng số lượng chỉ có hạn độ và là một bộ phận của toàn thể. “*các*” đi với

danh từ có ý nghĩa toàn thể. Danh từ đặt sau “những” phần lớn phải có định ngữ, còn sau “các” không nhất định phải như thế (có thể có mà cũng có thể không có định ngữ).

4.1.1. Dùng thiếu “những, các”

Ví dụ:

(1) Phòng học ở trường của tôi, chỉ vài phòng được trang bị máy lạnh, phòng còn lại thì chỉ gắn quạt máy.

(2) Giáo viên đang hỏi học sinh chưa nộp bài.

(3) Anh đã làm gì từ sáng đến giờ?

(4) Chiều hôm nay sinh viên tiếp tục thi môn cuối cùng.

(5) Anh ấy biết tất cả nhà hàng ở thành phố Hồ Chí Minh.

Ở ví dụ (1), “phòng” có định ngữ đi kèm (*vài, những, còn lại*), người học dùng thiếu “những” do nghĩ rằng nó không phải là yếu tố bắt buộc, nếu không có các định ngữ này thì câu vẫn hợp ngữ pháp, nếu có thêm “những” câu có thêm ý nghĩa phân phối đều đặn giữa các tiêu đề (... *phòng* được trang bị máy lạnh, *phòng* còn lại thì chỉ gắn quạt máy).

Ở ví dụ (2), sau danh từ số nhiều nếu có định ngữ thì phải dùng “những” để đối chiếu người mà danh từ đó biểu thị với những người khác. Trong câu này “những” để phân biệt đối chiếu với số học sinh đã nộp bài rồi.

Đối với ví dụ (3), người học có thể không biết rằng “những” có một điểm khác “các” là nó có thể đặt trước đại từ nghi vấn như *ai, đâu, gì* và vẫn có tác dụng chỉ số nhiều. Ví dụ như: *Em đã thấy những gì ở quê nhà?* hay *Từ sáng đến giờ đi những đâu?*

Ở ví dụ (4) và (5), người học mắc lỗi dùng thiếu “các” do chưa nắm vững cấu trúc cũng như cách dùng từ này trong kết hợp với danh từ đứng sau. Trong trường hợp này, phải dùng “các” trước danh từ trung tâm là “sinh viên” và “nhà hàng”, bởi vì khi dùng “các” là hàm ý nói tới một tập hợp trọn vẹn xác định các đối tượng, ngoài sự vật được nói đến không ngụ ý đối chiếu chúng với những sự vật khác.

4.1.2. Dùng thừa “những, các”

Ví dụ:

(1) *Những cây trong vườn quốc gia Nam Cát Tiên đa phần là những cây cổ thụ.*

(2) *Trong tết Nguyên Đán thu hút những người nhiều nhất là được nhận tiền lì xì.*

(3) *Ở Việt Nam, các áo dài là trang phục truyền thống của người Việt.*

(4) *Tôi dọn đến nơi ở mới bởi vì các cái nhà kia cũ quá rồi.*

Ở ví dụ (1), khi nói “cây” thì ai cũng hiểu là từ chỉ tổng hợp loại cây thực vật nói chung, không chỉ một cây hay một số lượng cây cụ thể nào. Vì vậy, trong trường hợp này người học dùng dư lượng từ “những”, chỉ cần nói/ viết “*Cây trong vườn quốc gia Nam Cát Tiên đa phần là những cây cổ thụ*”.

Ở ví dụ (2), người học mắc lỗi dùng thừa “những” vừa dùng thiếu danh từ, lại vừa sai trật tự. Câu này dùng đúng phải là “*Trong tết Nguyên Đán, được nhận tiền lì xì là phong tục thu hút nhiều người nhất*”. Người học kết hợp “những” trước “người nhiều nhất” vì cho rằng ngữ đoạn “nhiều nhất” sau danh từ “người” là thành phần định ngữ. Có hai cách sửa đúng và tương đương như sau: Thứ nhất, nếu “nhiều nhất” là thành phần phụ của vị từ “thu hút”, chỉ cần bỏ “những” là đủ. Câu có thể nói/ viết “*Trong tết Nguyên Đán thu hút người nhiều nhất là được nhận tiền lì xì*”. Thứ hai, nếu xem “nhiều” và “nhất” như là thành tố phụ của danh từ “người” thì trật tự đúng của cả ngữ đoạn có vị từ “thu hút” sẽ phải là “*thu hút nhiều người nhất*”. Câu sửa lại là “*Trong tết Nguyên Đán thu hút nhiều người nhất là được nhận tiền lì xì*”.

Ở ví dụ (3), “áo dài” là danh từ nói đến sự vật tổng thể nói chung, khi dùng “các” trong sự đối lập với những sự vật khác như áo đầm, áo bà ba, áo sơ mi... Người học sử dụng “các” trước “áo dài” là thừa. Câu hoàn chỉnh là “*Ở Việt Nam, áo dài là trang phục truyền thống của người Việt*”.

Trong ví dụ (4), “các” không có khả năng kết hợp với “cái nhà”, bởi vì “các” không đặt vào trong thế đối lập được. Từ chỉ định “kia” là định ngữ của danh từ đơn vị

“*cái*” chứ không phải định ngữ của danh từ khối. Trong kết cấu ngữ pháp tiếng Việt không có những kiểu kết hợp không được sử dụng như: *các con mèo, các đôi mắt*... Câu chừa đúng là bỏ “*các*” trong trường hợp này.

4.2. Lỗi các hư từ thuộc nhóm “*cũng, đều*”

Phó từ so sánh “*cũng*” và “*đều*” có nét nghĩa chung là chỉ sự đồng nhất, nhưng mỗi từ lại có nét nghĩa riêng rất tinh tế.

4.2.1. Dùng thừa “*cũng, đều*”

Ví dụ:

- (1) *Mỗi người dân Việt Nam đều cũng giống nhau, rất thông minh và năng động.*
- (2) *Lao động trí óc hay chân tay thì đều cũng góp phần hữu ích cho xã hội cả.*
- (3) *Cô ấy là một sinh viên chăm chỉ, dù bất cứ thời tiết nào đều cũng đến lớp học tiếng Việt.*

Ở ví dụ (1), trong ngữ pháp tiếng Việt có kết hợp “*mỗi...đều...*” hoàn toàn không có kết hợp “*mỗi...cũng...*”, và càng không có kết hợp “*mỗi...đều cũng...*”. Người học mắc lỗi trong trường hợp này là điều không thể tránh khỏi, trong trường hợp này người Việt thường dùng “*đều*” trước vị từ để nhấn mạnh tính toàn thể, liên tục của hành động/tính chất mà vị từ biểu hiện. Câu đúng sẽ là “*Mỗi người dân Việt Nam cũng đều giống nhau, rất thông minh và năng động*”.

Trong ví dụ (2), khi được dùng để nhấn mạnh tính chân thực của sở thuyết, thì từ “*cũng*” được đặt trước “*đều*” vì để mở đầu và đánh dấu thêm phần thuyết. Ví dụ như: “*Chúng tôi buồn lắm nhưng cũng đều không biết làm thế nào*”. “*cũng*” trong câu này dùng để biểu thị ý nghĩa gia hợp giữa các câu, và có thể bỏ “*đều*” đi nhưng câu vẫn không sai ngữ pháp. Câu đúng ở ví dụ (2) là “*Lao động trí óc hay chân tay thì cũng đều góp phần hữu ích cho xã hội cả*”.

Ở ví dụ (3), đứng trước “*cũng*” là đại từ nghi vấn “*nào*” không phải dùng để hỏi trong trường hợp này, mà dùng để nhấn mạnh tính chất tất cả hay toàn thể của sự vật.

Xuất hiện “*bất cứ thời tiết nào*” buộc phải có “*cũng*” đứng trước vị từ, người học hiểu sai và dùng sai trật tự từ trong một cấu trúc cô định “...(*bất cứ*)...*nào (ai /gì) cũng...*”.

4.2.2. Dùng sai “*cũng, đều*”

Dưới đây là các câu mắc lỗi của người học:

(1) *Trong tất cả các môn thể thao, em học sinh này cũng tỏ ra xuất sắc.*

(2) *Mấy sinh viên Hàn Quốc ở Việt Nam cũng thông minh và chăm chỉ.*

(3) *Bạn cũng đồng ý với tôi không?*

(4) *Chương trình tivi nào anh đều không xem.*

Ở ví dụ (1), “*Trong tất cả các môn thể thao*” có liên hệ đến một nghĩa số nhiều do xuất hiện “*tất cả các*”, ý nghĩa số nhiều này chứa đựng khía cạnh toàn bộ và xác định. Người học dùng sai kết cấu ngữ pháp này do đã hiểu nhầm “*đều*” và “*cũng*” liên quan đến nhân tố số nhiều toàn bộ và xác định. Ở vị trí cô lập đang xét, người học không thể dùng “*cũng*” thay thế cho “*đều*” được. Câu đúng nhất phải là “*Trong tất cả các môn thể thao, em học sinh này đều tỏ ra xuất sắc*”.

Ở ví dụ (2), người học đã hiểu sai và dùng sai phó từ so sánh trong câu. Trong câu này “*thông minh*” và “*chăm chỉ*” là những hiện tượng diễn ra hàng loạt như nhau. Vì vậy người học phải dùng “*đều*” mở đầu phần thuyết là chính xác. Trên lý thuyết “*đều*” và “*cũng*” có nét nghĩa chung là chỉ sự đồng nhất, nhưng “*đều*” biểu thị sự đồng nhất phi thời gian còn “*cũng*” thì sự đồng nhất này có thể diễn ra trong tổ chức nội tại của câu, cú, hay xuyên qua biên giới câu. Câu chữa lại là “*Mấy sinh viên Hàn Quốc ở Việt Nam đều thông minh và chăm chỉ*”.

Ví dụ (3) là một câu nghi vấn với phụ từ “*không*” thì kết hợp với từ đứng trước nó phải là từ “*có*” vì trong tiếng Việt cấu trúc “...*có...không?*” là cấu trúc dùng để hỏi. Như vậy, câu này phải được sửa là “*Bạn có đồng ý với tôi không?*” với ý hỏi để khẳng định lại ý kiến của người nghe về một sự tình mà người nói đã biểu hiện trước đó. Nhưng nếu người học muốn biểu đạt một ý nghĩa khác với ý nghĩa của từ “*cũng*” thì phụ từ cuối câu phải là “*chứ*”, với ý nghĩa biểu đạt là phán đoán chứ không phải là muốn

khẳng định lại nữa. Câu có hai kết cấu đúng là “*Bạn có đồng ý với tôi không? / Bạn cũng đồng ý với tôi chứ?*”

Ở ví dụ (4), người học dùng “*đều*” là hoàn toàn sai ngữ pháp. Trong trường hợp này, có một đại từ nghi vấn “*nào*”, mà theo kết cấu tiếng Việt “*...nào (ai /gi) cũng...*” Từ “*cũng*” trong mỗi liên hệ với một đại từ nghi vấn đứng về phía trước nó, thường có tác dụng biến câu nghi vấn khẳng định, phủ định thành câu tường thuật khẳng định/ phủ định tuyệt đối. Vậy “*Chương trình tivi nào anh cũng không xem*” là câu đúng.

5. Kết luận

Mắc lỗi là điều không thể tránh khỏi và đóng vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ, để hoàn thiện kỹ năng này đòi hỏi rất nhiều thời gian và nỗ lực của người học. Lỗi trong quá trình học theo Corder (1967) được xem là bước tích cực, lỗi không phải là hiện tượng tiêu cực trong quá trình học một ngôn ngữ, cũng không phải là phiên bản méo mó của ngôn ngữ đích mà lỗi thể hiện sự tham gia tích cực của người học trong quá trình học, thể hiện những chiến lược quan trọng mà người học áp dụng để khám phá và thụ đắc ngôn ngữ đích. Từ những lỗi của người học mà những người làm công tác dạy tiếng có thêm những kinh nghiệm cho mình. Đây là một vấn đề mở và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp để công tác dạy tiếng Việt ngày càng được nâng cao về chất lượng.

Làm thế nào để giúp người học học tiếng Việt có hiệu quả là mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi. Ngữ pháp tiếng Việt rất khó sử dụng đối với người nước ngoài. Người học nói các ngôn ngữ thứ nhất khác nhau đều mắc nhiều lỗi ngữ pháp giống nhau về lỗi ngữ pháp. Đây là điều đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa về mặt phương pháp luận đối với việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, giúp người dạy hiểu rằng, người học mắc lỗi tiếng Việt không đơn thuần chỉ do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ. Đối với bản thân người học thì lỗi là cái gì đó “không thể thiếu được” vì mắc lỗi có thể được coi như là một phương cách mà người học dùng để học. Ông Phạm Đăng Bình cho rằng: “*...tình trạng mắc lỗi của người học không những không giảm đi khi năng lực*

tiếng của họ tăng lên như người ta vẫn thường mặc nhiên thừa nhận mà trái lại có xu hướng gia tăng và trở thành các lỗi cố tật” [15, 47]. Ngay cả khi người học theo đúng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng nhưng lại mắc phải nhiều lỗi như giao thoa văn hoá, phát âm sai...thì vẫn gây khó hiểu hoặc gây hiểu nhầm cho người bản ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo Dục Việt Nam.
2. Phạm Đăng Bình (2003), *Khảo sát các lỗi giao thoa ngôn ngữ-văn hoá trong diễn ngôn của người Việt học tiếng Anh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học.
3. Nguyễn Linh Chi (2009), *Lỗi ngôn ngữ của người nước ngoài học tiếng Việt (trên tư liệu lỗi từ vựng, ngữ pháp của người Anh, Mỹ)*. [J], Nxb Viện Ngôn ngữ học.
4. Chu Thị Quỳnh Giao-Nguyễn Thị Thuỳ Trang (2006), *Khảo sát lỗi từ vựng ngữ pháp trong kỹ năng viết tiếng Việt của học viên nước ngoài*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Nxb ĐHQG Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Mỹ Hương (2012), *Phân loại một số lỗi sai thường gặp của sinh viên Đà Loan khi học tiếng Việt*, trong quyển “*Những thay đổi và thách thức trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt*”, Nxb ĐHQG Hà Nội.
6. Nguyễn Thiện Nam (2001), *Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, ĐHKHXH&NV-ĐHQG Hà Nội.
7. Hoàng Trọng Phiến (2007), *Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
8. Nguyễn Anh Qué (1994), *Tiếng Việt cho người nước ngoài*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Corder, S. P. (1967), *The significance of learners' errors*, IRAL, 5, 161-170.
10. Dulay, H.C., & Burt, M.K. (1974), *You can't learn without goofing*, In Richards, J.C. (ed.), *Error Analysis*, London, Longman. 95-123.

11. Hendrickson, J. M. (1981), *Error Analysis and Error Correction in Language Teaching* (occasional papers No. 10) [M]. Singapore: SEAMEO Regional Language Center.
12. Lewis, M. & Hill, J. (1985), *Practical Techniques for Language Teaching*, England: Commercial Color Press.
13. Selin, L. (1972), *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 209-231.